TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 9 - AN GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật - Bà Hồ Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Hữu Lập T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: 166, tổ I, ấp M, xã N, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: 5 khóm T, phường M, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Hữu Lập T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T1 quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 3 năm 2023 đến nay. Thời gian sống ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do mâu

thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà T1.

Về con chung: Ông T trình bày ông và bà T1 có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 14/11/2007 hiện do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng, vì ông có việc làm ổn định có thu nhập đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Phiên tòa mở lần thứ hai, bà T1 tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu Lập T được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 14/11/2007 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông T yêu cầu giải quyết ly hôn bà T1, bà T1 cư ngụ tại phường M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang thụ lý đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà T1 vắng mặt không có lý do. Ông T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo ông T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 3/2023 đến nay. Thời gian sống ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà T1.

Quá trình giải quyết vụ án bà T1 vắng mặt. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường M, thành phố L ngày 24/6/2025 thể hiện: Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1984 có đăng ký thường trú tại số E khóm T, phường M, tỉnh An Giang. Do bà T1 vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T1 biết nhưng bà T1 vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của ông T là bà T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông T và bà T1 đều không quan tâm, không có biện pháp để hòa giải níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai bà T1 tiếp tục vắng mặt là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn bà T1.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 14/11/2007 hiện do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Con chung có nguyện vọng được sống với ông T nếu cha mẹ ly hôn. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng, vì ông có việc làm ổn định có thu nhập đủ khả năng nuôi con. Bà T1 không tranh chấp quyền nuôi con.

Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên ông T nuôi con không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông T phải tạo điều kiện cho bà T1 được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết. Bà T1 không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[3/]. Về án phí: Ông T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Hữu Lập T được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T1.

- Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 14/11/2007.

Ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà T1 được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Phan Hữu Lập T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003097, ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo: Ông T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T1 không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 9 - An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự - Khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.